HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 08/2013/NQ-HĐND	*Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 7 năm 2013*

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 tháng 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3107/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung sau:

1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, hộ gia đình được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

2. Mức thu phí:

2.1. Rác thải thông thường:

2.1.1. Rác thải từ hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh:

a) Địa bàn thành phố Huế:

- Hộ mặt tiền: 20.000 đồng/hộ/tháng;

- Hộ trong kiệt, hẻm: 16.000 đồng/hộ/tháng.

b) Địa bàn các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã:

- Hộ mặt tiền: 15.000 đồng/hộ/tháng;

- Hộ trong kiệt, hẻm: 12.000 đồng/hộ/tháng.

c) Địa bàn các xã: 12.000 đồng/hộ/tháng.

2.1.2. Rác thải từ hộ gia đình có sản xuất, kinh doanh, buôn bán nhỏ:

a) Rác thải dưới 0,5 m^3/tháng:

a.1) Hộ gia đình kinh doanh dịch vụ ăn uống, vật liệu xây dựng, sản xuất chế biến các loại thực phẩm, gia công hàng thủ công:

- Địa bàn thành phố Huế:

+ Hộ mặt tiền: 70.000 đồng/hộ/tháng;

+ Hộ trong kiệt, hẻm: 50.000 đồng/hộ/tháng.

- Địa bàn các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã:

+ Hộ mặt tiền: 50.000 đồng/hộ/tháng;

+ Hộ trong kiệt, hẻm: 40.000 đồng/hộ/tháng.

- Địa bàn các xã: 30.000 đồng/hộ/tháng.

a.2) Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các mặt hàng khác:

- Địa bàn thành phố Huế:

+ Hộ mặt tiền: 50.000 đồng/hộ/tháng;

+ Hộ trong kiệt, hẻm: 40.000 đồng/hộ/tháng.

- Địa bàn các phường, thị trấn thuộc huyện, thị xã:

+ Hộ mặt tiền: 40.000 đồng/hộ/tháng;

+ Hộ trong kiệt, hẻm: 30.000 đồng/hộ/tháng.

- Địa bàn các xã: 20.000 đồng/hộ/tháng.

b) Rác thải từ 0,5 m^3/tháng trở lên:

- Địa bàn các phường, thị trấn: 100.000 đồng/hộ/tháng;

- Địa bàn các xã: 60.000 đồng/hộ/tháng.

2.1.3. Rác thải từ các đối tượng khác:

- Hộ có thuyền du lịch trên sông: 80.000 đồng/thuyền/tháng;

- Hộ có phòng cho thuê trọ: 4.000 đồng/phòng/tháng (ngoài mức thu phải nộp theo quy định đối với hộ gia đình không sản xuất, kinh doanh).

2.1.4. Rác thải từ các tổ chức:

a) Cửa hàng, khách sạn, dịch vụ nhà trọ (nhà nghỉ), nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà ga, bến xe, bến thuyền, chợ:

- Rác thải dưới 1 m^3/tháng: 160.000 đồng/đơn vị/tháng;

- Rác thải từ 1 m^3/tháng trở lên: 160.000 đồng/m^3.

b) Bệnh viện, trạm y tế và các tổ chức, cơ sở khác:

- Rác thải dưới 1 m^3/tháng: 140.000 đồng/đơn vị/tháng;

- Rác thải từ 1 m^3/tháng trở lên: 140.000 đồng/m^3.

c) Trường học, nhà trẻ, cơ quan hành chính, sự nghiệp, trụ sở làm việc của doanh nghiệp: 100.000 đồng/đơn vị/tháng.

2.2. Rác thải xây dựng, công nghiệp không nguy hại:

a) Rác thải từ hoạt động xây dựng: 70.000 đồng/m^3.

b) Rác thải từ các nhà máy, cơ sở sản xuất: 160.000 đồng/m^3.

2.3. Rác thải nguy hại (rác thải y tế, công nghiệp nguy hại; chế biến nông thủy sản; giết mổ gia súc; rác thải nguy hại khác):

a) Rác thải y tế, công nghiệp nguy hại:

- Rác thải có khối lượng dưới 5 kg/tháng: 170.000 đồng/đơn vị/tháng;

- Rác thải có khối lượng từ 5 kg/tháng trở lên: 35.000 đồng/kg.

b) Rác thải từ chế biến nông thủy sản, giết mổ gia súc, rác thải nguy hại khác: 200.000 đồng/m^3.

3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

3.1. Đơn vị thu phí:

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phù hợp, bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 6 Pháp lệnh phí và lệ phí và Điều 4 của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí.

3.2. Tỷ lệ phí được để lại đơn vị thu:

a) Đối với rác thải không nguy hại (rác thải thông thường; rác thải công nghiệp, xây dựng không nguy hại):

Địa bàn các phường, thị trấn được để lại 20%, địa bàn các xã được để lại 25% trên tổng số phí thu được để chi trả cho hoạt động tổ chức thu phí theo quy định.

Số phí còn lại nộp vào ngân sách cấp huyện, xã theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và được sử dụng theo quy định cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác.

b) Đối với rác thải nguy hại:

Đơn vị tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý rác được để lại 100% số phí thu được nhằm chi trả chi phí cho hoạt động tổ chức thu phí, thu gom, vận chuyển, xử lý rác và các khoản chi khác theo quy định.

3.3. Nội dung chi đối với khoản phí được để lại đơn vị thu thực hiện theo điểm 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC và các quy định của pháp luật.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013.

2. Các nội dung quy định tại Nghị quyết này được áp dụng thực hiện kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15n/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu, quản lý và sử dụng phí vệ sinh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VI, kỳ họp thứ 6 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thiện